

Số: 25/2022/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 13 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1879/TTr-SNN ngày 03 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Trụ sở làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt tại số 26, đường 3 Tháng 2, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Giám đốc và không quá 04 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Giám đốc Sở khác, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở;

b) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở phụ trách một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

c) Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chức danh theo quy định của pháp luật. Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

a) Văn phòng Sở;

b) Phòng Tổ chức cán bộ;

c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

d) Phòng Quản lý xây dựng công trình;

đ) Thanh tra Sở.

3. Các Chi cục trực thuộc Sở

a) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

b) Chi cục Chăn nuôi và Thú y;

- c) Chi cục Kiểm lâm;
- d) Chi cục Thủy sản;
- đ) Chi cục Thủy lợi;
- e) Chi cục Phát triển nông thôn;
- g) Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

- a) Trung tâm Khuyến nông và Tư vấn dịch vụ nông nghiệp tỉnh Bến Tre;
- b) Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;
- c) Trung tâm Giống và Hoa kiểng tỉnh Bến Tre;
- d) Ban Quản lý Rừng Phòng hộ và Đặc dụng;
- đ) Ban Quản lý Cảng cá.

5. Mỗi tổ chức chịu trách nhiệm tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chuyên môn, nghiệp vụ theo lĩnh vực được phân công. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng thuộc Sở; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc của các Chi cục và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh. Số lượng cấp phó của các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ, số lượng cấp phó của các Chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”

3. Bãi bỏ Điều 4.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Trong quá trình thực hiện sắp xếp lại các tổ chức, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mà số lượng cấp phó các tổ chức, đơn vị do sáp nhập, hợp nhất cao hơn quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Tam